

BÁO CÁO

V/v kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024 (từ ngày 07/12/2023 đến ngày 06/6/2024)

UBND xã Tịnh Châu báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trong 6 tháng đầu năm 2024 với các nội dung như sau:

I. Công tác chỉ đạo, kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Đã ban hành Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 29/12/2023 về việc thực hiện Cải cách hành chính năm 2024. Ban hành công văn số 17/UBND ngày 15/01/2024 về việc triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo tại báo cáo số 10247/BC-VPCP ngày 31/12/2023 của Văn phòng Chính phủ.

- Đã tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023, đánh giá kết quả điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2023 và đề ra giải pháp khắc phục trong năm 2024¹.

- Trong năm, UBND xã đã đề ra 32 nhiệm vụ về cải cách hành chính. Trong đó đã thực hiện 15 nhiệm vụ (đúng hạn 15 nhiệm vụ); có 1 nhiệm vụ đã quá hạn chưa thực hiện²; đang thực hiện 16 nhiệm vụ (trong hạn).

* Về công tác tuyên truyền

Đã ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 06/3/2024 về việc tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024. Kết quả thực hiện: Trong kỳ, UBND xã đã thực hiện các hình thức tuyên truyền gồm: thông tin trên đài truyền thanh xã; đăng tin bài trên Trang thông tin điện tử của xã; lồng ghép nội dung tuyên truyền thông qua các cuộc họp của cơ quan, đoàn thể, buổi sinh hoạt của các Hội đoàn thể, chi hội, thôn, xóm,...

II. Kết quả thực hiện từng nội dung

1. Cải cách thể chế

Trong kỳ báo cáo, HĐND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật; UBND xã ban hành 1 văn bản quy phạm pháp luật (*quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 ban hành quy chế thực hiện dân chủ trên địa bàn xã Tịnh Châu*).

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Đã ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 về việc ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2024.

¹ Giấy mời số 11/GM-UBND ngày 26/02/2024; báo cáo số 31/BC-UBND ngày 27/02/2024 về việc đánh giá kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2023 và giải pháp khắc phục.

² Nhiệm vụ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023.

- Đã ban hành kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 06/3/2024 về việc rà soát, đánh giá TTHC năm 2024.

- Đã ban hành kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 06/3/2024 về việc kiểm tra nội bộ hoạt động kiểm soát TTHC năm 2024.

- Kết quả tiếp nhận và giải quyết TTHC trong 6 tháng đầu năm 2024, từ ngày 07/12/2023 đến ngày 06/3/2024 (*thống kê trích xuất từ hệ thống một cửa điện tử*):

+ Số hồ sơ đã tiếp nhận: 1.286 hồ sơ (Trong đó, trực tuyến 1.270 hồ sơ, chiếm 98,76%; trực tiếp: 16 hồ sơ, chiếm 1,24%; kỳ trước chuyển sang: 0 hồ sơ)

+ Đã giải quyết: 1.271 hồ sơ (đạt 98,83%). Trong đó: giải quyết trước hạn là 1.232 hồ sơ (chiếm 96,93%); giải quyết quá hạn là 39 hồ sơ (chiếm 3,1%).

+ Đang giải quyết 13 hồ sơ (trong hạn: 12 hồ sơ; quá hạn: 1 hồ sơ)

+ Đã rút 2 hồ sơ.

- Đã thực hiện niêm yết 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã tại Phòng làm việc của Bộ phận một cửa và trên Trang thông tin điện tử của xã. Trong kỳ báo cáo: đã thực hiện đăng tải và niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố (*theo chỉ đạo tại công văn số 436/UBND-TN ngày 01/02/2024 của UBND thành phố*); UBND xã ban hành 6 thông báo niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính mới/bổ sung/bãi bỏ, quy trình nội bộ giải quyết TTHC đối với các thủ tục được tiếp nhận, giải quyết tại UBND xã. Cụ thể: thông báo số 85a/TB-UBND ngày 29/12/2023 về việc niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố Quảng Ngãi được tiếp nhận tại Bộ phận một cửa xã³; thông báo số 01/TB-UBND ngày 05/01/2024 về việc niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã⁴; thông báo số 05/TB-UBND ngày 16/01/2024 về việc niêm yết công khai Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được tiếp nhận tại Bộ phận một cửa xã⁵; thông báo số 06/TB-UBND ngày 16/01/2024 về việc niêm yết công khai Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được tiếp nhận tại Bộ phận một cửa xã⁶; thông báo số 11/TB-UBND ngày 24/01/2024 về việc niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực thư viện, văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã⁷.

³ Theo quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

⁴ Theo quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

⁵ Theo quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

⁶ Theo quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

⁷ Theo quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa của xã, bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản hóa các thủ tục, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

+ Có thực hiện công khai thông tin của cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận một cửa.

+ Có ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND xã Tịnh Châu (*quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND xã*).

+ Có ban hành nội quy làm việc của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND xã Tịnh Châu (*quyết định số 01/QĐ-BPMC ngày 10/3/2023 của Trưởng bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã*).

+ Có thực hiện đầy đủ biểu mẫu sử dụng trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

+ Có công khai tình hình tiếp nhận và kết quả giải quyết thủ tục hành chính hàng tháng.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên địa bàn xã. Trong kỳ báo cáo, tỷ lệ thanh toán trực tuyến phát sinh tại Bộ phận một cửa của xã đạt 100%.

- Đẩy mạnh công tác số hóa thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Trong kỳ báo cáo, có 1.217/1.286 hồ sơ có số hóa thành phần khi tiếp nhận, chiếm 94,63%; có 1.045/1.271 hồ sơ có số hóa kết quả giải quyết, chiếm 82,22%, trong đó có 13 hồ sơ có kết quả lưu vào kho quản lý dữ liệu điện tử; số hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa là 0 hồ sơ.

- Đã niêm yết, đăng tải đầy đủ, rõ ràng bảng thông báo hướng dẫn tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi tại tại Bộ phận một cửa và trên Trang thông tin điện tử của xã. Kịp thời phản hồi giải đáp thắc mắc, phản ánh của công dân, tạo điều kiện tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, tổ chức; tránh để trường hợp phản ánh, kiến nghị kéo dài, vượt cấp. Trong kỳ báo cáo, UBND xã không tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị nào từ công dân, tổ chức.

- Trong kỳ đã tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của 411 lượt bằng phiếu điện tử (chiếm tỷ lệ 32 % trên tổng số hồ sơ tiếp nhận trong quý). Kết quả có 341/411 lượt đánh giá mức độ “*Rất hài lòng*”, chiếm tỷ lệ 82,97%; có 70/411 lượt đánh giá mức độ “*Hài lòng*”, chiếm tỷ lệ 17,03%. Không ghi nhận lượt đánh giá ở mức độ “*Bình thường*” và “*Không hài lòng*”.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Số lượng CBCC xã hiện có là 20 người. Cụ thể:

+ Cán bộ: 11 người⁸, trong đó nữ là 3/11 đồng chí, chiếm tỷ lệ 27,27%.

+ Công chức xã: 9 người⁹, trong đó nữ là 4/9 người, chiếm tỷ lệ 44,44%.

- Chủ tịch UBND xã đã ban hành quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND và công chức thuộc UBND xã Tịnh Châu.

- Đảm bảo thực hiện tốt các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các chức danh cán bộ lãnh đạo, công chức chuyên môn và không chuyên trách thuộc UBND xã theo quy định hiện hành.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Đã ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 26/01/2024 về việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã năm 2024. Trong kỳ đã cử 12 lượt cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

- Đã thực hiện rà soát, lập danh sách cá nhân thuộc diện chuyển đổi công tác năm 2024, trình UBND thành phố (qua Phòng Nội vụ) theo quy định¹⁰. Theo đó, cơ quan có 6 công chức đủ điều kiện, thuộc diện chuyển đổi công tác trong năm 2024.

- Đã ban hành kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 29/12/2023 về việc thực hiện nhiệm vụ tự kiểm tra nội bộ kỷ luật, kỷ cương hành chính tại UBND xã. Chủ tịch UBND xã thường xuyên chỉ đạo, quán triệt đến toàn thể CBCC về việc chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính theo quy định tại Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh, Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 13/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương không dùng bia, rượu trong buổi trưa của các ngày làm việc, Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 10/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

- Trong kỳ, không có trường hợp bị xử lý kỷ luật do xảy ra vi phạm.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện nhiệm vụ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024; nhiệm vụ tài chính - ngân sách địa phương đảm bảo đúng quy định (*quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 về việc phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024, quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 về việc nộp trả kinh phí mục tiêu cho ngân sách thành phố năm 2023, quyết định số 62/QĐ-UBND ngày*

⁸ Bao gồm các chức vụ sau: Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch HĐND xã (1); Phó Bí thư Đảng ủy (1); Chủ tịch UBMTTQVN xã (1); Phó Chủ tịch HĐND xã (1); Chủ tịch UBND xã (1); Phó Chủ tịch UBND xã (2); Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ Nữ Việt Nam (1); Chủ tịch Hội Cựu chiến binh (1); Chủ tịch Hội Nông dân (1); Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (1).

⁹ Chỉ huy trưởng BCH Quân sự xã (1); Tư pháp - Hộ tịch (1); Văn hóa - Xã hội (1); ĐC-NN-XD&MT (2); Tài chính - Kế toán (2); Văn phòng - Thông kê (2).

¹⁰ Công văn số 50/UBND ngày 06/02/2024 của UBND xã Tịnh Châu.

23/02/2024 về việc chuyển nguồn kinh phí năm 2023 sang năm 2024 của UBND xã Tịnh Châu).

- Đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của UBND xã (quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND xã); ban hành quy định chi tiêu nội bộ (quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của UBND xã).

- Thực hiện kiểm kê, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 đúng quy định (báo cáo số 36/BC-UBND ngày 06/3/2024 của UBND xã).

- Thực hiện công khai kết quả mua sắm tài sản công năm 2023 đúng quy định (quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 06/3/2024 của UBND xã).

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số

- Đã phân công 1 Phó chủ tịch UBND xã kiêm nhiệm làm công tác chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng (tại quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Chủ tịch UBND xã Tịnh Châu). Ban hành thông báo số 76/TB-UBND ngày 06/12/2023 về việc phân công nhiệm vụ phụ trách chuyển đổi số và an toàn thông tin tại UBND xã Tịnh Châu.

- Đã ban hành kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 06/3/2024 về việc thực hiện công tác chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn xã Tịnh Châu.

- Đẩy mạnh hoạt động của Trang thông tin điện tử xã, tài khoản zalo của UBND xã. Thường xuyên cập nhật thông tin, kịp thời phổ biến tin tức đến toàn thể Nhân dân trên địa bàn về tình hình của địa phương.

- Đảm bảo về cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi số tại cơ quan: có trang bị đầy đủ máy vi tính, máy in, máy quét văn bản,... Trong kỳ, Bộ phận một cửa xã đã tiếp nhận 1 máy quét văn bản (khổ A3), 1 máy đọc chip CCCD, 1 bộ máy vi tính và 1 máy tra cứu thông tin TTHC dành cho công dân.

- Đã đăng ký, đề nghị cấp thiết bị ký số token cho 12 cán bộ, công chức thuộc UBND xã, 1 thiết bị ký số token của UBND xã; đăng ký, kích hoạt sử dụng ký số sim KPI cho 3 lãnh đạo. Tiếp tục sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng ký số trong quy trình soạn thảo, trình ký, ban hành văn bản trên hệ thống quản lý văn bản điện tử iOffice. Trong kỳ đã ban hành 581 văn bản đi, tiếp nhận 2.008 văn bản đến. Tỷ lệ ký số văn bản đi - đến đạt 100%.

*** Nhận xét, đánh giá**

a. Ưu điểm

Việc ban hành và triển khai thực hiện kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính tại địa phương làm cơ sở để các bộ phận, đơn vị biết, theo dõi, chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công. Nhờ đó, đạt được các kết quả nổi bật như tăng tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến; giúp người dân hiểu được ý nghĩa và lợi ích của việc nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả giải quyết TTHC cho công dân nhanh chóng, phần lớn được trả trước hạn, đúng hạn; có công khai minh bạch quy trình thực hiện TTHC, quy định mức thu phí/lệ phí giúp người dân dễ dàng tìm hiểu và nắm các quy trình thực hiện, góp phần tạo dựng uy tín của cơ quan, nâng cao sự hài lòng của người dân.

b. Hạn chế, nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như:

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết quá hạn còn cao (3,1%). Nguyên nhân chủ yếu do công chức chuyên môn (bộ phận Tư pháp - Hộ tịch) còn chậm trễ trong xử lý thao tác trên hệ thống, dẫn đến tình trạng hồ sơ xử lý quá hạn trong khi thực tế đã giải quyết và trả đúng hạn cho công dân.

- Hệ thống trang thiết bị điện tử căn bản đầy đủ, tuy nhiên, còn một số máy vi tính của các bộ phận khác (địa chính - xây dựng, văn hóa - xã hội) hoạt động không tốt, có hiện tượng máy chạy chậm, xử lý thao tác lâu làm mất thời gian, không tương thích với các phần mềm công tác nghiệp vụ điện tử hoặc thiết bị kỹ số làm ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành công việc... Nguyên nhân chủ yếu do thời gian sử dụng máy lâu nên chất lượng máy không còn tốt.

III. Nhiệm vụ thực hiện trong thời gian đến

Nhằm đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính, UBND xã đề ra các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế và nhiệm vụ trong thời gian tiếp theo như sau:

- Chấp hành nghiêm kỷ luật kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ được phân công phụ trách. Đảm bảo thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao trong năm (Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Nhiệm vụ về CCHC năm 2024; Nhiệm vụ công tác năm 2024; các nhiệm vụ khác có liên quan).

- Tăng cường hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã, chấp hành nghiêm các quy định về quy trình, biểu mẫu kèm theo hồ sơ khi giải quyết TTHC. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Khắc phục tình trạng chậm, trễ xử lý hồ sơ trên hệ thống điện tử (không để tỷ lệ hồ sơ quá hạn trong năm vượt quá 3%). Phần đầu đạt 100% hồ sơ TTHC được nộp trực tuyến (đối với 51 TTHC đã được cung cấp DVC trực tuyến); phần đầu thực hiện đạt chỉ tiêu về số hóa hồ sơ (chỉ tiêu 75%); nâng cao tỷ lệ thanh toán trực tuyến.

IV. Đề xuất, kiến nghị

Kiến nghị cấp trên xem xét xây dựng, triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã trên ứng dụng điện thoại thông minh nhằm giúp người dân thuận tiện hơn trong việc nộp hồ sơ trực tuyến.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC của xã Tịnh Châu trong 6 tháng đầu năm 2024. Kính báo UBND thành phố theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND TP Quảng Ngãi (b/c);
- Phòng Nội vụ TP (b/c);
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, các PCT xã;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Lâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TỈNH CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 1.

**Thống kê số liệu về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính
6 tháng đầu năm 2024**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày 07/6/2024 của UBND xã Tỉnh Châu)

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	32	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	15	
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành/ tham mưu ban hành	Văn bản	3	
1.2.	Thực hiện nhiệm vụ UBND thành phố, Chủ tịch UBND TP giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	42	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	40	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.3.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	411	
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.4.	Tổ chức đối thoại về TTHC của UBND cấp xã	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế			Phòng Tư pháp tổng hợp
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	2	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	1	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	1	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	1	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	1	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			Văn phòng thành phố tổng hợp

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.	Thống kê TTHC	Thủ tục	179	
3.2.	Vận hành công dịch vụ công			
	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	51	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Thủ tục		
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	3	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	6	
	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	-	
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	96,93	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			Cơ quan TC-NV thành phố tổng hợp
4.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
4.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	
4.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
5.	Cải cách chế độ công vụ			Cơ quan TC-NV
5.1.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo (lãnh đạo cấp phòng)	Người	0	
5.2.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			Phòng TC-KH thành phố tổng hợp

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	-	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	-	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	-	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	-	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	-	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			Phòng Văn hóa và Thông tin tổng hợp
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	-	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến	Chưa có = 0	-	
	Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến thành phố.	2 cấp = 1	-	
	Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến thành phố và 100% UBND cấp xã.	3 cấp = 2	2	Trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ họp trực tuyến
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.		Đã được cấp	100% CBCC xã đã được cấp token ký số
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	-	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND thành phố	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.7.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố	Văn bản		
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	0	
7.8.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	Đã kết nối	
7.9.	Dịch vụ công trực tuyến			
	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	44	
	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	7	
	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	100	
	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100	